

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**  
Bản án số: 117/2020/DS-PT  
Ngày 26 - 8 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Trâm Anh

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Lâm Sơn

Ông Nguyễn Như Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quan Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 5 năm 2020 và ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2020/QĐPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:**
1. Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1976 (Có mặt)
  2. Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 371, tổ 11, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn:**
1. Ông Lê Văn K – sinh năm 1972 (Có mặt)
  2. Bà Tạ Thị Kim C, sinh năm 1970 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 72, tổ 03, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**- Người kháng cáo:** bị đơn ông Lê Văn K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Hoàng L, bà Nguyễn Ngọc D trình bày:*

Nguyên vào năm 2011 đến năm 2012 vợ chồng ông Lê Văn K, bà Tạ Thị Kim C có đến nhà của vợ chồng ông L, bà D hỏi vay số tiền rất nhiều lần cụ thể các lần như sau:

Ngày 4 tháng 9 năm 2011 vợ chồng ông K, bà C vay 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Ngày 29 tháng 11 năm 2011 vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Ngày 08/2/2012 tiếp tục vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Ngày 28/3/2012 vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 10/4/2012 vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Ngày 19/4/2012 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền vợ chồng ông Lê Văn K, bà Tạ Thị Kim C vay của vợ chồng ông L, bà D là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng) lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Vợ chồng ông K, bà C có trả được cho ông L, bà D được số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và còn lại 305.000.000đ sau đó hai bên thống nhất ghi lại thành 01 biên nhận với nội dung tờ vay tiền tháng cụ thể như sau:

Ngày 02/5/2013, tôi Lê Hoàng L có đưa cho ông bà K số tiền là 190.000.000đ; Lấy thêm 70.000.000đ ngày 10/5/2013; Lấy thêm 45.000.000đ ngày 13/4/2103, chữ viết trong tờ vay tiền tháng là do ông Lê Hoàng L viết và ký tên. Còn chữ ký người lấy tiền chữ ký “K” và ghi Lê Văn K do ông K ký và ghi họ tên. Ông L, bà D cho rằng lúc đưa tiền thì có mặt đầy đủ vợ chồng ông K và bà C nhưng khi làm biên nhận nợ thì chỉ có ông K ký tên. Từ năm 2013 ông L, bà D có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông K, bà C chỉ hứa hẹn mà không trả tiền.

Tại phiên tòa ông L, bà D yêu cầu ông Lê Văn K và bà Tạ Thị Kim C trả đủ cho vợ chồng ông bà số tiền còn thiếu là 305.000.000đ (Ba trăm lẻ năm triệu đồng) trả một lần không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập cho ông Lê Văn K, bà Tạ Thị Kim C tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông K, bà C không có mặt và không có lời trình bày.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng L, bà Nguyễn Ngọc D.

2. Buộc ông Lê Văn K, bà Tạ Thị Kim C trả cho ông Lê Hoàng L, bà Nguyễn Ngọc D số tiền 305.000.000đ (*Ba trăm lẻ năm triệu đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

*Ngày 13 tháng 12 năm 2019, ông Lê Văn K kháng cáo với nội dung:* yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, ông không thống nhất với phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông phải trả số nợ 305.000.000 (ba trăm lẻ năm triệu) cho ông Lê Hoàng L vì thực tế ông chỉ vay của ông Lê Hoàng L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu).

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** nguyên đơn ông Lê Hoàng L và bà Nguyễn Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Văn K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K thừa nhận có nợ của ông L, bà D số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), ông L, bà D cho rằng ông K nợ số tiền 305.000.000 đồng. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Kiên Giang xác định 05 tờ vay tiền (đã bị gạch bỏ) là do ông K ký tên, còn tờ vay tiền tháng có tổng số tiền 305.000.000 đồng không phải do ông K ký tên. Mặt khác tại phiên tòa, ông L bà D cho rằng lãi suất là 5%/tháng, cấp sơ thẩm chưa làm rõ được vợ chồng ông K, bà C đóng lãi được bao nhiêu, đóng thời điểm nào, số tiền 305.000.000 đồng có phải tiền lãi cộng với tiền gốc hay không. Xét thấy chứng cứ còn nhiều mâu thuẫn, tại phúc thẩm phát sinh tình tiết mới cần phải thu thập thêm chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 Tòa án nhân dân huyện T để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét chứng cứ (tờ vay tiền tháng): ông Lê Hoàng L và bà Nguyễn Ngọc D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn K và bà Tạ Thị Kim C hoàn trả số nợ

vay 305.000.000 đồng (ba trăm lẻ năm triệu đồng). Chứng cứ ông L, bà D xuất trình là các biên nhận (tờ vay tiền tháng) như sau:

Tờ vay tiền tháng ngày 04/9/2011 đã bị gạch bỏ (Bút lục số 07) có nội dung Lê Hoàng L có đưa tiền tháng cho ông Lê Văn K lấy số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Tờ vay tiền tháng ngày 29/11/2011 đã bị gạch bỏ (Bút lục số 08) có nội dung Lê Hoàng L có đưa tiền tháng cho ông Lê Văn K lấy số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Tờ vay tiền tháng ngày 08/2/2012 đã bị gạch bỏ (Bút lục số 09) có nội dung Lê Hoàng L có đưa tiền tháng cho ông Lê Văn K lấy số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Tờ vay tiền tháng ngày 28/3/2012 đã bị gạch bỏ (Bút lục số 04) có nội dung Lê Hoàng L có đưa tiền tháng cho ông Lê Văn K lấy số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Tờ vay tiền tháng ngày 10/4/2012 đã bị gạch bỏ (Bút lục số 05) có nội dung Lê Hoàng L có đưa tiền tháng cho ông Lê Văn K lấy số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Tờ vay tiền tháng ngày 19/4/2012 đã bị gạch bỏ (Bút lục số 06) có nội dung Lê Hoàng L có đưa tiền tháng cho ông Lê Văn K lấy số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà D trình bày đã cho ông K, bà C vay tổng số tiền 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng) theo các biên nhận trên. Ông K, bà C đã trả được 10.000.000đ (mười triệu đồng), sau đó hai bên đã thống nhất gạch bỏ các tờ vay tiền tháng nêu trên và viết lại tờ vay tiền tháng mới (Bút lục số 02) có nội dung Lê Hoàng L có đưa cho ông bà K số tiền là 190.000.000đ ngày 27/5/2013; Lấy thêm 70.000.000đ ngày 10/5/2013; Lấy thêm 45.000.000đ ngày 13/4/2013. Việc vay nợ trước đây hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Nay ông L, bà D yêu cầu ông K, bà C trả số nợ 305.000.000 đồng theo tờ vay tiền tháng được ghi lại sau này (Bút lục số 02) cho ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/5/2020, ông K chỉ thừa nhận có vay của ông L bà D số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, lãi suất 8,7%/tháng, không thừa nhận có vay số tiền 305.000.000 đồng như ông L, bà D trình bày, không thừa nhận có ký tên trong các tờ vay tiền tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/8/2020 ông K thừa nhận còn nợ của ông L, bà D 30.000.000 đồng, còn các biên nhận bị gạch bỏ là do ông có vay và đã trả nên mới gạch bỏ.

Ông L, bà D yêu cầu Tòa án tỉnh Kiên Giang giám định toàn bộ chữ ký, chữ viết của ông K trong các biên nhận tờ vay tiền tháng (Bút lục số 02,04,05,06,07,08,09) mà ông L, bà D cung cấp cho Tòa án.

Tại kết luận giám định số 539/KL-KTHS ngày 27/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận:

1. Chữ ký mang tên Lê Văn K, dưới mục "người lấy tiền" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (tương ứng các Bút lục số 04,05,06,07,09) so với chữ ký mang tên Lê Văn K trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M 14 **do cùng một người ký ra.**

2. Chữ ký mang tên Lê Văn K, dưới mục "người lấy tiền" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A6 và A7 (tương ứng các Bút lục số 02, 08) so với chữ ký mang tên Lê Văn K trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M 14 **không phải do cùng một người ký ra.**

3. Chữ viết ghi họ tên Lê Văn K, dưới mục "người lấy tiền" trên mẫu cần giám định ký hiệu A7 (tương ứng Bút lục số 02) so với chữ viết ghi họ tên Lê Văn K trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M 14 **không phải do cùng một người viết ra.**

Như vậy, theo Kết luận giám định số 539/KL-KTHS ngày 27/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang xác định tờ vay tiền tháng mà nguyên đơn trình bày hai bên đã thống nhất viết lại (Bút lục số 02) không phải do ông Lê Văn K ký và viết tên, các tờ vay tiền tháng bị gạch bỏ (Bút lục số 04,05,06,07,09) xác định ông K là người ký tên. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ các tờ vay tiền tháng (Bút lục số 04,05,06,07,09) vì sao bị gạch bỏ, cơ sở nào để xác định tờ vay tiền tháng được viết lại (Bút lục số 02) là khoản nợ từ các tờ vay tiền tháng trước đó bị gạch bỏ, có hay không việc cộng dồn tiền gốc và lãi để viết các tờ vay tiền tháng, quá trình vay nợ và ký nhận các tờ vay tiền tháng như thế nào, có hay không việc ông K, bà C còn nợ tiền vay của ông L, bà D, việc ông K vay tiền nhằm mục đích gì, có sử dụng vào mục đích chung của gia đình hay không, nên chưa đủ cơ sở để buộc ông K trả khoản nợ 305.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn cũng như buộc bà C liên đới với ông K trả khoản nợ này.

Tuy nhiên việc chưa thu thập, làm rõ được chứng cứ chứng minh trong vụ án của cấp sơ thẩm là khách quan, lỗi thuộc về ông K, bà C. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật, đã ban hành Thông báo số 30/TB-TA ngày 19/4/2019 yêu cầu ông K, bà C trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án hoặc không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các tờ vay tiền tháng thì yêu cầu Tòa án giám định chữ ký nhưng ông K, bà C không thực hiện, không hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới, ông L, bà D yêu cầu giám định toàn bộ chữ ký, chữ viết của ông K trong các tờ vay tiền tháng, Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã làm thay đổi tính chất vụ án, cần thu thập thêm, đánh giá lại chứng cứ mới có thể xét xử nên

Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về chi phí giám định: Số tiền 2.550.000 đồng là chi phí giám định do ông L, bà D tạm ứng để chi trả trước sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án bị hủy. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm 54/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn K theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003767 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Trâm Anh**